

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2014);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 (sau đây viết gọn là Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn); việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên (sau đây gọi là biện pháp quản lý tại gia đình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp quản lý tại gia đình (sau đây gọi là người được giáo dục).
2. Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp quản lý tại gia đình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định nơi cư trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Trong các trường hợp sau đây thì người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được coi là không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP:

1. Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó, thường xuyên thay đổi chỗ ở.

Điều 4. Xác định người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Khi xác định người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, cần lưu ý như sau:

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự được hiểu là: trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày người đó thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy đến mười lăm năm tù thì bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự được hiểu là: trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày người đó thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy đến bảy năm tù thì bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng hoặc là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội, được hiểu là: trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày người đó thực hiện một trong những hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đến lần thứ hai, nếu tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính từ lần thứ ba trở đi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm

hình sự thì không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại lần vi phạm này mà lập biên bản vi phạm và hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 5. Điều kiện chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình

1. Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP được xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình; đã thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra hoặc đã được cha, mẹ, người giám hộ khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại thay.

b) Người được giáo dục phải có nơi cư trú, nơi học tập hoặc làm việc rõ ràng, hợp pháp.

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ có nhân thân tốt, đang cư trú cùng với người được giáo dục; có nguồn thu nhập ổn định và đáp ứng đủ mức sống tối thiểu cho người được giáo dục; có kế hoạch, điều kiện và thời gian thuận lợi để quản lý, giáo dục người được giáo dục; có bản cam kết bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.

2. Việc đánh giá điều kiện về có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP căn cứ vào quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự” để xem xét, quyết định.

Điều 6. Hợp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Hợp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công người dự họp ghi Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải thể hiện những nội dung chính sau đây:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích họp;

b) Họ, tên, chức danh của người dự họp;

c) Tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên dự họp về từng vấn đề thảo luận, ý kiến của người được giáo dục (nếu có), vấn đề được thảo luận và biểu quyết;

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.